TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 14/2018/DS-ST
Ngày 12-6-2018
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Phong.
Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Điểu Nhót
2. Bà Võ Thị Mơ

- Thư ký phiên toà: Bà Võ Thị Nhàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Song.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tham gia phiên toà: Ông Đỗ Văn Huyến – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2017/TLST-DS, ngày 27/10/2017, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2018/QĐXXST-DS, ngày 27 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn N và bà Lương Thị B.

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện P, tỉnh Đắk Nông

Đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn N: Bà Lương Thị B – theo văn bản ủy quyền ngày 10/11/2017 - Có mặt

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị D - Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn M1, xã N, huyện P, tỉnh Đắk Nông.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Hà Thị L - Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn M1, xã N, huyện P, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các văn bản trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, nguyên đơn ông Phạm Văn Nại và bà Lương Thị Bình trình bày: Ngày

23/01/2014 (tức ngày 23/12/2013 âm lịch) bà D có nhờ bà L dẫn đến nhà tôi để vay số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Khi vay hai bên có viết giấy tờ tay với nhau có chữ ký của bà D và bà L. Hai bên thỏa thuận miệng lãi suất 1,5%/tháng, bà D hẹn đến ngày 30/11/2014 âm lịch sẽ trả đầy đủ nhưng đến hẹn bà D không thực hiện như đã thỏa thuận mặc dù ông N bà B đã đòi rất nhiều lần. Vì vậy, ông N bà B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị D phải trả cho ông bà 30.000.000đ tiền gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Duyên trình bày: Bà D thừa nhận ngày 23/01/2014 (tức ngày 23/12/2013 âm lịch) bà có nhờ bà Hà Thị L dẫn đến nhà ông N bà B để vay số tiền 30.000.000 đồng, chữ ký trong giấy vay tiền đúng là chữ ký của bà D và có bà L ký là người làm chứng. Khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất là 3,0%, bà D hẹn thời hạn trả chậm nhất là ngày 30/11/2014 âm lịch, đến tháng 12/2014 thì bà D đã đưa cho bà L 42.000.000 đồng để bà L trả cho ông N bà B, còn việc bà L đã trả hay chưa thì bà không biết. Nay ông N bà B khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền gốc và lãi như trên thì bà không đồng ý vì bà đã trả đầy đủ cả số tiền gốc và lãi cho bà L để bà L trả cho ông N bà B.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập bà Hà Thị L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, tuy nhiên qua xác minh tại chính quyền địa phương thì bà Hà Thị L đã bỏ đi khỏi địa phương nên không thể tiến hành làm việc với bà L được.

Tại phiên tòa hôm nay các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình, không ai có ý kiến bổ sung gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và về nội dung vụ án phát biểu như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật và việc thụ lý giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc còn nợ là 30.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: 01 giấy vay tiền ngày 23/12 âm lịch tức ngày 23/1/2014 dương lịch do nguyên đơn cung cấp (bản gốc). Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận đây là giấy vay tiền được lập giữa các bên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nguyên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ông Phạm Văn N và bà Lương Thị B khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị D phải trả 30.000.000 đồng. Hợp đồng giữa ông N bà B và bà D được xác lập vào ngày 23/01/2014 (tức ngày 23/12/2013 âm lịch), thời hạn trả nợ là hết ngày 30/11/2014 âm lịch, ngày 10/10/2017 ông N bà B khởi kiện ra Toà án yêu cầu giải quyết quyết nên đây là quan hệ "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Thẩm quyền giải quyết : Bị đơn bà Nguyễn Thị D có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại Thôn M1, xã N, huyện P, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của toà án nhân dân huyện Đăk Song theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Hợp đồng vay tài sản giữa ông N bà B được lập vào ngày 23/01/2014 (tức ngày 23/12/2013 âm lịch), thời hạn trả nợ hết ngày 30/11/2014 âm lịch. Ngày 10/10/2017 ông N bà B khởi kiện ra Toà án yêu cầu giải quyết đề nghị Tòa án buộc bà D phải trả nợ. Do vậy, thời hiệu khởi kiện vẫn còn theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Xét hợp đồng vay tài sản và yêu cầu của đương sự: Việc vay tiền giữa bà Nguyễn Thị D và ông Phạm Văn N và bà Lương Thị B là có thật thể hiện qua giấy vay tiền ngày 23/01/2014 có chữ ký của bà D. Quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị D cũng thừa nhận có vay của ông N, bà B số tiền trên và thừa nhận chữ ký trong giấy vay là chữ ký của bà. Việc vay tài sản giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Tại thời điểm hai bên xác lập hợp đồng thì Bộ luật dân sự 2005 đang có hiệu lực nên theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự (BLDS) đến hạn trả nợ theo thỏa thuận bà D không trả nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay quy định tại Điều 474 BLDS năm 2005.

Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định:

Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.

Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định:

1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khki đến hạn ; nếu tái sản là vật thì trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

[5] Xét quan điểm của bị đơn, HĐXX xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án bà D thừa nhận đối với số nợ trên. Tuy nhiên bà D cho rằng tháng 12/2014 bà D đã đưa cho bà L 42.000.000 đồng để bà L trả cho ông N bà B, còn việc bà L đã trả hay chưa thì bà không biết. Bà D cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh việc bà đã đưa tiền cho bà L để bà L trả cho ông N, bà B. Vì vậy HĐXX không có cơ sở để chấp nhận ý kiến cũng như quan điểm của bà D.

[6] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Trong giấy vay tiền giữa ông N bà B và

bà D xác lập việc vay mượn không có thỏa thuận lãi suất. Bà B ông N cho rằng các bên có thỏa thuận lãi 1,5%/tháng còn bà D cho rằng lãi thỏa thuận là 3,0%. HĐXX xét thấy về lãi suất các đương sự không thỏa thuận được và có tranh chấp về lãi, ông N, bà B yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật. Vì vậy cần áp dụng khoản 2 Điều 476 BLDS năm 2005 để tính lãi suất theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố.

Tiền lãi được tính như sau: Vay từ ngày 23/01/2014 đến ngày xét xử là 12/06/2018 là 52 tháng 19 ngày, lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố 9%/ năm : 30.000.000đ x 52 tháng x 0.75% + 30.000.000đ x 19 ngày x 0.025% = 11.842.500đ.

[7] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành làm việc với ông Nguyễn Văn T là chồng của bà Nguyễn Thị D về số tiền bà D nợ của ông N bà B, bà D ông T đều xác định đây là khoản nợ riêng của bà D không liên quan đến ông T, vì vậy HĐXX không đưa ông T tham gia với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[8] Đối với việc bà Duyên cho rằng đã đưa cho bà L 42.000.000đ để bà L trả cho ông N, bà B, bà D có quyền khởi kiện bà Loan bằng vụ án khác.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên buộc bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1, 2, 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 143; Điều 147; Điều 266; Điều 273 BLTTDS; Điều 471; Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn N và bà Lương Thị B.

Buộc bà Nguyễn Thị D phải trả cho ông Nại bà Bình số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) nợ gốc và 11.842.500 đồng (Mười một triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm đồng) tiền lãi. Tổng cộng: 41.842.500 đồng (Bốn mươi mốt triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án(đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng

tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị D phải nộp 2.092.125 đồng, làm tròn số 2.092.000 đồng (hai triệu không trăm chín mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Phạm Văn N và bà Lương Thị B số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000641 ngày 27 tháng 10 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền và lợi ích của mình trong thời hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.*"

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Phong

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đăk Nông;*
- *VKSND huyện Đăk Song;*
- *Chi cục THA huyện Đăk Song;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*